

Số: 25 /2011/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 28 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Phú Thọ
giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030

BỘ CÔNG THƯƠNG	
Số: 312
ĐẾN Ngày: 12-01-12
Chuyển:	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

CỤC CÔNG THƯƠNG	
Số: 54
ĐẾN Ngày: 19/01/12
Chuyển:	

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003

Căn cứ Quyết định số 99/2008/QĐ-TTg ngày 14/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2011/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc thông qua Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 95/TTr-SCT ngày 19/12/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030", với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển:

Quy hoạch phát triển công nghiệp phải phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp của cả nước, của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung phát triển công nghiệp với tốc độ cao, tạo tiềm lực tăng nhanh quy mô giá trị sản xuất công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá để đưa Phú Thọ cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2020. Phát huy vai trò các ngành công nghiệp truyền thống có thế mạnh, đồng thời khai thác các tiềm năng lợi thế của tỉnh để phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp mới, chế biến sâu có giá trị gia tăng lớn. Phát triển công nghiệp với quy mô và cơ cấu hợp lý, phù hợp với phát triển các ngành nông nghiệp và dịch vụ - thương mại. Phát triển công nghiệp chú trọng bảo vệ môi trường sinh thái, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia và giải quyết các vấn đề xã hội.

2. Định hướng phát triển công nghiệp:

Phát triển công nghiệp phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, gắn với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã quy hoạch, phát triển vùng kinh tế động lực đã được xác định (Việt Trì, Phú Thọ, Phù Ninh, Lâm Thao và Tam Nông) làm nòng cốt, từ đó tạo sức lan tỏa ra các địa phương xung quanh. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp truyền thống, có lợi thế về nguồn nguyên

liệu, nguồn nhân lực, có khả năng cạnh tranh trong khu vực và thế giới. Tăng cường thu hút đầu tư và tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp có công nghệ và hiệu quả cao, các ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp thân thiện môi trường. Ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở công nghiệp ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng kinh tế - xã hội khó khăn, nhất là ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động và nguyên liệu tại chỗ.

3. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát:

Phấn đấu đến năm 2020, đạt tiêu chí của tỉnh công nghiệp và đến năm 2030 là tỉnh công nghiệp phát triển theo hướng công nghệ cao.

Tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, tạo các điều kiện cần thiết và thuận lợi thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp. Mở rộng và phát triển các cơ sở công nghiệp hiện có, tăng cường thu hút đầu tư vào phát triển các ngành nghề mới và công nghệ cao như: Công nghiệp điện tử - bán dẫn và công nghệ thông tin; công nghiệp hóa dược và tân dược; chế biến sâu về khoáng sản, nông lâm sản; vật liệu mới, công nghệ sinh học và công nghiệp hỗ trợ. Đổi mới công nghệ các cơ sở công nghiệp hiện có nhằm nâng cao năng suất lao động và tạo ra các sản phẩm theo hướng có hàm lượng công nghệ cao. Sắp xếp và tổ chức lại sản xuất các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường theo hướng xử lý triệt để các vấn đề môi trường, đảm bảo phát triển sản xuất ổn định, bền vững và thân thiện với môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2011 - 2015: Tăng trưởng bình quân khoảng 15%/năm. Đến năm 2015, giá trị gia tăng ngành công nghiệp của tỉnh tăng gấp hơn 2 lần so với năm 2010; tỷ trọng ngành công nghiệp (không tính xây dựng) trong cơ cấu kinh tế đạt 35%; tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng đạt khoảng 41,4%.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Tăng trưởng bình quân khoảng 13,2%/năm. Đến năm 2020, giá trị gia tăng ngành công nghiệp của tỉnh năm 2020 gấp 3,7 lần so với năm 2010; tỷ trọng ngành công nghiệp (không tính xây dựng) trong cơ cấu kinh tế đạt khoảng 41%; tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng đạt khoảng 50%.

- Giai đoạn 2021 - 2030: Dự báo nền kinh tế của tỉnh tăng trưởng khoảng 11%-12%/năm; trong đó, ngành công nghiệp có mức tăng trưởng khoảng 11,5% - 12,5%/năm. Với mục tiêu phát triển một cách bền vững, dần nâng cao hiệu quả sản xuất của toàn ngành công nghiệp. Giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 tăng trưởng khoảng 11% - 12%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh năm 2030 gấp khoảng 3,2 lần so với năm 2020.

4. Định hướng phát triển theo vùng lãnh thổ:

a) Vùng “Công nghiệp động lực” gồm thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các huyện Lâm Thao, Phù Ninh và Tam Nông: Ngành dệt may - da giày, ngành chế biến giấy, nhựa - hóa chất... hạn chế đầu tư và chuyển dịch dần ra các địa phương xung quanh. Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ ưu tiên thu hút đầu tư có chọn lọc, lựa chọn những ngành có công nghệ sạch, có giá trị gia tăng cao. Định hướng di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm ra ngoài thành phố

Việt Trì. Các địa phương của vùng sẽ khuyến khích phát triển thêm các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; tạo việc làm, tăng thêm thu nhập cho dân cư và lao động trong vùng như: Chế biến rau quả, chế biến chè, nón lá, đúc đồng phục vụ du lịch,... Giai đoạn 2011 - 2015, giá trị sản xuất công nghiệp của vùng đạt mức tăng trưởng 14,6%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 tăng trưởng 12,8%/năm; chiếm tỷ trọng trên 80% trong cơ cấu công nghiệp toàn tỉnh. Giai đoạn 2021 - 2030, dự báo giá trị sản xuất công nghiệp của vùng sẽ tăng trưởng khoảng 11,8%/năm; chiếm tỷ trọng khoảng 70% - 75% trong cơ cấu công nghiệp toàn tỉnh.

b) Vùng “Công nghiệp Tây Bắc” gồm các huyện: Đoan Hùng, Hạ Hòa, Thanh Ba và Cẩm Khê: Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp có thế mạnh và có thị trường, gồm các ngành: Sản xuất xi măng, khai thác khoáng sản, chế biến thực phẩm, đồ uống, chế biến chè, thức ăn gia súc, vật liệu xây dựng, chế biến gỗ,... giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 khoảng 14%/năm; giai đoạn 2016-2020 khoảng 14%/năm. Giai đoạn 2021-2030, công nghiệp của vùng tăng trưởng khoảng 13,3%/năm. Chiếm tỷ trọng khoảng 14%-16% theo từng giai đoạn phát triển trong cơ cấu công nghiệp toàn tỉnh.

c) Vùng “Công nghiệp Tây Nam” gồm các huyện: Yên Lập, Thanh Sơn, Thanh Thủy và Tân Sơn: Công nghiệp của vùng phát triển gắn với hình thành các vùng trồng cây công nghiệp tập trung, phát triển lâm nghiệp, khai thác lâm đặc sản và chăn nuôi đại gia súc tạo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến. Các ngành, sản phẩm công nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu công nghiệp của vùng là: Khai thác và chế biến khoáng sản; Chế biến nông lâm sản, thực phẩm; sản xuất vật liệu xây dựng (gạch xây dựng các loại), cơ khí...Giai đoạn 2011-2020, giá trị sản xuất công nghiệp của vùng tăng trưởng 21,5%/năm, chiếm tỷ trọng khoảng 7% trong cơ cấu công nghiệp của tỉnh. Giai đoạn 2021 - 2030, công nghiệp của vùng sẽ chiếm khoảng 10%-11% trong giá trị công nghiệp toàn tỉnh.

5. Quy hoạch phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030:

a) Nhóm ngành công nghiệp truyền thống:

- Công nghiệp chế biến gỗ, giấy: Đẩy mạnh trồng rừng kinh tế, khai thác gỗ và lâm sản hợp lý. Phân đấu ổn định vùng rừng nguyên liệu giấy với diện tích 60.000 ha tại 09 huyện trên địa bàn tỉnh; phát triển ngành khai thác và chế biến gỗ, giấy. Ổn định sản xuất các nhà máy chế biến gỗ, giấy trên địa bàn tỉnh, thu hút đầu tư chế biến sâu các sản phẩm như bàn ghế các loại, giường tủ từ ván ghép thanh, ván sàn cao cấp,... phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2011 - 2015 là 12,5%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 là 11,5%/năm.

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng trên cơ sở nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương, gắn với hiệu quả kinh tế, tiết kiệm nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái. Lựa chọn quy mô đầu tư hợp lý; tranh thủ các cơ hội để đầu tư công nghệ và thiết bị tiên tiến

nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh. Hết năm 2012 xoá bỏ lò gạch thủ công trên địa bàn tỉnh, thay thế bằng lò gạch theo công nghệ mới. Đến năm 2015, đưa toàn bộ cơ sở sản xuất gạch ra ngoài thành phố Việt Trì.

- Tập trung phát triển sản phẩm xi măng, vật liệu xây không nung, bê tông siêu nhẹ, cát sỏi xây dựng... chú trọng phát triển một số chủng loại vật liệu xây dựng mới, công nghệ cao phục vụ cho xây dựng đô thị, khu, cụm công nghiệp như bê tông siêu nhẹ, bê tông khí trung áp, bê tông bọt. Quan tâm phát triển một số sản phẩm vật liệu xây dựng giá thành thấp phục vụ phát triển nông thôn, vật liệu xây dựng đường giao thông, kênh mương, thủy lợi... Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2011 - 2015 là 14,5%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 là 14,2%/năm.

- Công nghiệp hoá chất, phân bón: Khai thác hiệu quả công suất của các nhà máy sản xuất hiện có và mở rộng quy mô sản xuất phù hợp. Đầu tư chiều sâu, từng bước đổi mới công nghệ, thiết bị lên ngang tầm với trình độ tiên tiến trong khu vực; xử lý triệt để vấn đề ô nhiễm môi trường. Phát triển đa dạng các sản phẩm phân bón, nâng cao tỷ trọng sản phẩm hóa chất và các sản phẩm khác trong cơ cấu sản phẩm có giá trị cao, cung cấp cho thị trường trong nước và hướng vào xuất khẩu. Phát triển các sản phẩm hóa chất có gốc Sunphat, sunphit, phốt phát, florua, silicat... nghiên cứu hướng phát triển ngành công nghiệp phục vụ y tế, các hóa chất cơ bản. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2011 - 2015 đạt 11,7%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 12,1%/năm.

- Công nghiệp dệt may, da giày: Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm của ngành dệt may, da giày hiện có. Chú trọng đầu tư phát triển các sản phẩm may mặc, vải sợi, thảm trải nền, giày, cặp, túi xuất khẩu các loại. Tập trung cải tiến mẫu mã, đào tạo đội ngũ thiết kế, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của ngành dệt may, da giày trong và ngoài nước. Phát triển một cách có chọn lọc theo hướng giảm dần quy mô các doanh nghiệp dệt may trong khu vực đô thị, khuyến khích phát triển các cơ sở may mặc, da giày ở khu vực nông thôn nhằm giải quyết việc làm và trang bị kỹ năng lao động công nghiệp cho lao động địa phương. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2011 - 2015 là 12%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 10%/năm.

b) Nhóm ngành công nghiệp mới: Công nghiệp điện tử, cơ khí, chế tạo máy, sản xuất kim loại và tân dược:

Tạo điều kiện thuận lợi để các dự án sản xuất cơ khí trên địa bàn sớm hoạt động ổn định, đặc biệt là những dự án lớn, xây dựng các trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ vệ tinh ở xung quanh. Tập trung chuẩn bị cơ sở vật chất, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao để sau năm 2015 có thể đáp ứng được nhu cầu phát triển đa dạng của ngành cơ khí, luyện kim, sản xuất và gia công kim loại, điện tử - bán dẫn và công nghệ thông tin, hóa dược, sản phẩm thuốc tân dược,... tạo điều kiện phát triển ngành công nghiệp luyện kim, sản xuất kim loại làm nền cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Vùng. Tập trung đầu tư chiều sâu, từng bước đổi mới thiết bị công nghệ tại các cơ sở cơ khí và sản xuất kim loại hiện có; phát triển các cụm cơ khí nhỏ theo địa bàn các huyện, thị để thúc

đẩy quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao năng lực cơ khí chế tạo, sửa chữa và sản xuất phụ tùng thay thế; phát triển cơ khí đóng mới và sửa chữa các tàu thuyền, phương tiện vận tải, gia công lắp ráp cơ khí, luyện cán thép, sản xuất thép kéo xây dựng, thép chất lượng cao. Thu hút và tạo thuận lợi phát triển mặt hàng máy nông nghiệp, làm đất, cơ giới hóa các khâu sau thu hoạch phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư mở rộng và phát triển các cơ sở cơ khí gia công, cơ khí sửa chữa tại các cụm dân cư trên địa bàn các địa phương, các cơ sở sửa chữa phương tiện giao thông trên các tuyến đường giao thông. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2011 - 2015 là 30%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 là 14%/năm.

c) Nhóm ngành công nghiệp khác:

- Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản: Phát triển ngành khai thác khoáng sản đáp ứng nhu cầu cho các ngành chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn. Đa dạng hóa quy mô khai thác và chế biến khoáng sản đảm bảo công nghệ thích hợp theo hướng tiết kiệm, hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường sinh thái, có sự kiểm soát chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước. Tăng cường đầu tư chế biến sâu để nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Đầu tư chế biến các sản phẩm từ kaolin, fenspat, quặng sắt, đất hiếm, khoáng chất công nghiệp... Chú trọng công tác tìm kiếm, điều tra cơ bản khoáng sản để làm căn cứ xây dựng kế hoạch đầu tư khai thác và chế biến có hiệu quả. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2011 - 2015 là 9%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 là 14,9%/năm.

- Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, đồ uống: Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, đồ uống trên cơ sở gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Tập trung đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh để mở rộng thị trường xuất khẩu, gắn kết chặt chẽ lợi ích người chế biến với người sản xuất nguyên liệu. Phát triển một số ngành công nghiệp chế biến mũi nhọn, có lợi thế nguồn nguyên liệu tại địa phương, có thị trường tiêu thụ và xuất khẩu. Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng chế biến chè, đa dạng hóa các sản phẩm chè; xây dựng cơ sở chế biến hoa quả, chế biến thức ăn gia súc, sản xuất đồ uống và chế biến thực phẩm. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2011 - 2015 là 12%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 là 13,5%/năm.

- Công nghiệp sản xuất và phân phối điện: Cải tạo mạng lưới phân phối điện, nâng cấp mới các đường dây trung áp, hạ áp để cấp điện ổn định, an toàn cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Xây dựng lưới điện đến các thôn, cụm dân cư đảm bảo chất lượng cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Từng bước thực hiện đầu tư và cải tạo lưới điện theo quy hoạch. Ưu tiên nguồn điện phục vụ cho sản xuất và cho các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn. Kết hợp việc phát triển hạ tầng về thủy lợi và cầu đường để xây dựng các nhà máy thủy điện cột nước thấp. Khuyến khích phát triển thủy điện nhỏ và cực nhỏ, điện mặt trời.

6. Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ:

Phát triển công nghiệp hỗ trợ cần phù hợp với những đặc thù riêng của

từng chuyên ngành, trên cơ sở phát huy năng lực đầu tư của mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là của các đối tác chiến lược, các tập đoàn, công ty lớn. Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở chuyên môn hóa - hợp tác hóa, tăng cường mối liên kết giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, phát huy lợi thế, tiềm năng của tỉnh, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường nội địa và xuất khẩu. Từng bước tham gia vào việc sản xuất và cung cấp nguyên liệu, các linh kiện, phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa cho các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh và trong khu vực, góp phần làm tăng giá trị gia tăng và tăng tỷ trọng đóng góp của công nghiệp hỗ trợ trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Tập trung phát triển công nghiệp phụ trợ trong ngành: Công nghiệp cơ khí chế tạo máy và sản xuất kim loại; công nghiệp sản xuất, phân phối và dịch vụ ngành điện; công nghiệp Dệt may - da giày.

7. Quy hoạch phát triển khu, cụm công nghiệp:

Sắp xếp, ưu tiên các khu, cụm công nghiệp có tiềm năng trong việc thu hút các dự án đầu tư; xúc tiến đầu tư và hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp, các công trình bên ngoài hàng rào có liên quan. Nghiên cứu mở rộng các khu, cụm công nghiệp theo hướng trở thành khu, cụm công nghiệp tập trung chuyên ngành và công nghiệp vệ tinh phù hợp với yêu cầu phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Từng bước đầu tư hệ thống xử lý chất thải trong khu, cụm công nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường hiện hành. Chú trọng phát triển nhanh các khu, cụm công nghiệp có lợi thế thu hút đầu tư ở thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và dọc hành lang các tuyến đường quốc lộ, đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, đường Hồ Chí Minh. Giai đoạn 2011 - 2020, thu hút các nguồn vốn đầu tư xây dựng mới các khu công nghiệp đã được quy hoạch, nâng cấp khu công nghiệp Thụy Vân và khu công nghiệp Phú Hà thành Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị. Phân đấu thu hút và lấp đầy 65-75% diện tích đất công nghiệp của các khu, cụm công nghiệp đã được mở rộng và xây dựng mới. Giai đoạn 2021 - 2030, hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn; đảm bảo việc xử lý môi trường theo đúng các tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước trong quá trình hoạt động và sản xuất. Hình thành các Khu liên hợp đô thị-công nghiệp-dịch vụ và khu công nghiệp tập trung có quy mô lớn. Phân đấu phát triển và hình thành một số khu công nghiệp công nghệ cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và công nghiệp của tỉnh.

8. Quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn:

Củng cố và phát triển các làng nghề, ngành nghề nông thôn hiện có và các ngành nghề mới. Khuyến khích liên kết các cơ sở sản xuất nhỏ thành cụm, nhóm cơ sở để tăng khả năng huy động vốn, đầu tư phát triển và hình thành mạng lưới vệ tinh cho các ngành công nghiệp của tỉnh. Phát triển các nghề chế biến nông, lâm sản, lương thực, thực phẩm tại các vùng nguyên liệu, chú ý khâu sơ chế và bảo quản tại chỗ; nghiên cứu chế tác các sản phẩm mang dấu ấn Hùng Vương. Khuyến khích các thành phần kinh tế hoặc từ địa phương khác đến để đầu tư mới hoặc khôi phục một số ngành nghề truyền thống; tiếp tục củng cố, phát triển xây dựng một số làng nghề truyền thống đạt tiêu chí làng nghề nông thôn. Phát triển

làng nghề gắn với bảo vệ môi trường và xây dựng thương hiệu làng nghề. Tập trung phát triển các làng nghề như: Đan lát xuất khẩu; chế tác các sản phẩm thủ công nghiệp mang dấu ấn Đất Tổ; sản xuất và chế biến chè; chế biến mì, miến, bún, bánh; chế biến rau quả; sản xuất mảnh dẹt; cơ khí nhỏ; hàng thủ công mỹ nghệ - vàng mã; sản xuất đồ gỗ,...

9. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển công nghiệp:

Tổng vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp: Giai đoạn 2011-2015 là 17-18 nghìn tỷ đồng. Giai đoạn 2016-2020 là 28-30 nghìn tỷ đồng. Giai đoạn 2021-2030 là 100-120 nghìn tỷ đồng.

Nguồn vốn đầu tư: Nhà nước hỗ trợ từ 5 - 10% (chủ yếu hạ tầng khu, cụm công nghiệp và chi phí bồi thường GPMB), phần vốn còn lại là của doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác.

10. Giải pháp thực hiện quy hoạch:

a) Nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư: Điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ đầu tư vào hạ tầng các khu, cụm công nghiệp có tính khả thi và phù hợp với khả năng của tỉnh; hàng năm, cân đối nguồn vốn cho hỗ trợ đầu tư vào cơ sở hạ tầng các công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, các công trình dịch vụ công cộng liên quan. Xây dựng, triển khai thực hiện tốt đề án nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh PCI cấp tỉnh, tạo dựng hình ảnh và môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tạo sự bình đẳng, không phân biệt giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Chọn lọc và ưu tiên đầu tư các dự án hạ tầng quan trọng. Khai thác các nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, cảng sông và các cụm công nghiệp đã được quy hoạch. Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp tập trung trên địa bàn gắn liền với quy hoạch đô thị - dịch vụ liên quan. Chú trọng dành quỹ đất sạch, có cơ chế chính sách hỗ trợ tích cực, hiệu quả để xây dựng nhà ở và các công trình văn hóa - xã hội cho lao động làm việc trong các khu công nghiệp.

b) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh giai đoạn 2011 - 2020. Chú trọng đào tạo ngành nghề hóa chất, cơ khí, chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may, điện, quản lý cho doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp. Đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, cao đẳng đóng trên địa bàn tỉnh; quan tâm đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ dạy nghề. Nâng cấp và phát triển các trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề; mở rộng mạng lưới và xã hội hóa việc đào tạo nghề; tăng cường liên kết đào tạo nghề với các cơ sở đào tạo khác trên địa bàn cả nước. Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến việc làm.

c) Huy động nguồn lực: Đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các nguồn vốn từ các chương trình dự án. Tăng cường huy động các nguồn vốn thông qua các hình thức thu hút đầu tư trực tiếp, hợp tác, liên kết, liên doanh của các tập đoàn, các công ty lớn. Sử dụng các công cụ huy động vốn mới trên thị trường tài chính, thị trường chứng khoán

và thị trường tiền tệ như phát hành trái phiếu, tín phiếu với sự đảm bảo bằng ngân sách của tỉnh, của Chính phủ cho các công trình trọng điểm trên địa bàn. Áp dụng việc đầu tư trực tiếp từ các tổ chức ngân hàng, bảo hiểm,... vào công nghiệp như một thành viên góp vốn. Sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả thông qua việc tập trung đầu tư có trọng điểm những dự án lớn để nhanh chóng đưa vào hoạt động.

d) Bảo vệ môi trường: Tăng cường kiểm tra, có biện pháp hướng dẫn và xử lý chất thải, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất đối với các doanh nghiệp. Di dời hoặc đình chỉ sản xuất đối với các cơ sở gây ô nhiễm không tuân thủ các quy định về môi trường. Xây dựng kế hoạch di dời và hạn chế phát triển các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường tại thành phố, thị xã và khu đông dân cư. Lập danh mục các ngành nghề không được đầu tư sản xuất ngoài khu công nghiệp, trong khu dân cư và công khai danh mục này cho các nhà đầu tư biết. Nghiên cứu có cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng các công trình xử lý ô nhiễm môi trường; không cấp phép đầu tư đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và người lao động. Nâng cao năng lực và trách nhiệm quản lý môi trường cho Ban quản lý các khu, cụm công nghiệp, các huyện, thành, thị. Xây dựng chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp thay thế công nghệ hoặc đầu tư sử dụng công nghệ cao thân thiện với môi trường.

e) Nâng cao hiệu quả tổ chức quản lý của Nhà nước: Xây dựng và hoàn thiện, đồng bộ hóa các quy hoạch phát triển từng ngành kinh tế để thống nhất các chủ trương, định hướng phát triển. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghiệp trên địa bàn. Công bố rộng rãi thông tin liên quan đến các quy hoạch phát triển để mọi tổ chức, cá nhân quan tâm có thể tiếp cận và sử dụng. Kien toàn tổ chức (bộ máy, nhân sự) đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước về công nghiệp, đặc biệt trong công tác đầu tư, thị trường, quản lý các khu, cụm công nghiệp. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ chuyên trách, chuyên nghiệp quản lý công nghiệp trên địa bàn huyện, thành, thị.

f) Tăng cường hội nhập kinh tế, hợp tác đầu tư: Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức hội nhập kinh tế và các kiến thức liên quan đến vấn đề hội nhập; thực hiện đúng các yêu cầu về hội nhập cũng như các cam kết của nước ta khi tham gia các tổ chức quốc tế như ASEAN, WTO,... Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh. Hỗ trợ các hoạt động khuyến khích xuất khẩu và xúc tiến thương mại cho các doanh nghiệp công nghiệp; cung cấp thông tin thị trường thường xuyên và đầy đủ cho doanh nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu và các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực tư vấn về tiếp thị, nghiên cứu thị trường, xúc tiến mậu dịch. Tích cực tìm kiếm thị trường thông qua các tổ chức ngoại giao, đẩy mạnh và mở rộng các hoạt động hợp tác kinh tế quốc tế của tỉnh. Tăng cường hợp tác khoa học công nghệ với các địa phương trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh thuộc địa bàn kinh tế trọng điểm Bắc Bộ nhằm đẩy mạnh hợp tác, liên kết và trao đổi bổ sung hàng hóa để phát triển.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Công Thương có trách nhiệm: Công bố công khai quy hoạch; làm đầu mối chủ trì triển khai thực hiện quy hoạch trên cơ sở phối hợp với các Sở, ban, ngành và các địa phương trong tỉnh. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Phú Thọ cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm: Căn cứ quy hoạch phát triển công nghiệp, tính toán cân đối, huy động các nguồn lực, xây dựng các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn để thực hiện. Trong khi triển khai có phát sinh cần tính toán điều chỉnh và thông báo kịp thời cho các ngành để thực hiện.

3. Sở Tài Chính có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư phân bổ nguồn vốn ngân sách đảm bảo thực hiện các mục tiêu quy hoạch mà ngân sách đã cân đối; vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển các khu, cụm công nghiệp hàng năm, 5 năm, đảm bảo tài chính thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư của tỉnh đã ban hành.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm: Phối hợp các sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng theo định hướng của quy hoạch. Thẩm định hoặc hướng dẫn các cơ quan liên quan thẩm định trình cấp thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình, hạng mục công trình trên địa bàn, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp theo quy định hiện hành. Thẩm định, phê duyệt (theo ủy quyền) hoặc trình cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm: Lập Quy hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả các vùng nguyên liệu với năng suất và chất lượng đáp ứng nhu cầu cho công nghiệp chế biến. Sớm triển khai kế hoạch ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất và chất lượng cao. Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, hỗ trợ việc đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề cho lao động nông thôn đáp ứng nhu cầu phát triển ngành nghề nông thôn. Tích cực triển khai thực hiện quy hoạch phát triển ngành, hình thành các vùng vật nuôi, cây trồng tập trung có chất lượng và đảm bảo sản lượng, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất và chế biến.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên cơ sở kế hoạch đăng ký sử dụng đất phục vụ phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các vùng đã có chủ trương quy hoạch của các địa phương theo quy định. Hướng dẫn Ban quản lý các khu công nghiệp, các chủ dự án đầu tư lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và tổ chức xét duyệt, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các khu, cụm công nghiệp và từng dự án đầu tư theo quy định. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành, thị tổng hợp trình duyệt các phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, các dự án xây dựng hạ tầng chính, hệ thống xử lý chất thải dùng chung trong các khu, cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

7. Ban quản lý các khu công nghiệp có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp, trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành; chịu trách nhiệm chi trả bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư phục vụ các khu, cụm công nghiệp. Kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp; đồng thời thẩm định hồ sơ dự án và giải quyết mặt bằng cho các doanh nghiệp đầu tư vào các khu công nghiệp với thời hạn nhanh nhất.

8. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm: Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tuyên truyền quảng bá du lịch làng nghề; phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan đầu tư cải tạo cảnh quan môi trường một số làng nghề kết hợp du lịch; xây dựng kế hoạch phát triển hàng lưu niệm, hợp đồng sản xuất với các cơ sở làng nghề, tổ chức các điểm trưng bày và bán sản phẩm du lịch. Đặc biệt các sản phẩm phục vụ cho lễ hội Đền Hùng.

9. Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm: Lập kế hoạch và thực hiện xây dựng, nâng cấp các tuyến giao thông đến các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn, xây dựng nâng cấp hệ thống cảng sông, các đầu mối giao thông phù hợp với quy hoạch phát triển của từng thời kỳ. Phối hợp với UBND các huyện, thành, thị, Ban quản lý các khu công nghiệp (nếu được ủy quyền) hướng dẫn xây dựng các đường gom của các khu, cụm công nghiệp đấu nối với quốc lộ và các tỉnh lộ đúng quy định.

Quy hoạch phát triển lực lượng vận tải đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp nói riêng và kinh tế-xã hội nói chung.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: Triển khai quy hoạch nguồn nhân lực đáp ứng cho nhu cầu phát triển công nghiệp. Lập kế hoạch đào tạo nghề, đào tạo kỹ thuật phục vụ quá trình phát triển của các ngành công nghiệp theo định hướng quy hoạch.

11. Các ngành Điện, Nước, Bưu chính Viễn thông có trách nhiệm: Có kế hoạch đưa điện, nước, đảm bảo thông tin liên lạc đến các khu công nghiệp tập trung và các cụm công nghiệp phù hợp với tiến độ thực hiện và đảm bảo nguồn cung cấp điện, nước theo nhu cầu phát triển.

12. Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành, thị có trách nhiệm: Theo chức năng của mình, tạo điều kiện giúp đỡ các nhà đầu tư, doanh nghiệp triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo quy hoạch đã được phê duyệt. Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng qui hoạch phát triển công nghiệp của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Đối với những huyện đã xây dựng quy hoạch khẩn trương điều chỉnh đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển chung của tỉnh. Chỉ đạo và tổ chức giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi bố trí các doanh nghiệp vào cụm công nghiệp thuộc trách nhiệm quản lý của địa phương. rà soát, điều chỉnh quy hoạch các phân ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ lực, nhất là quy hoạch phát triển các ngành chế biến nông lâm thủy sản và thực phẩm đồ uống, hoá chất, dệt may, da giày, cơ khí, ... và thường xuyên nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị và các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, CT, TC;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTTU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- UBMTTQ và tổ chức đoàn thể;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Phú Thọ;
- Website Chính phủ;
- CVP, các PVP;
- Công báo, NCTH;
- Lưu VT, KT4 (KT4-110b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Quang Thao